

Số: 2955 /KL-UBND

Thạch Hà, ngày 12 tháng 12 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

việc thực hiện một số nhiệm vụ, công vụ và quản lý, sử dụng kinh phí tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Hà

Thực hiện Quyết định số 9131/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Thạch Hà về thanh tra việc thực hiện một số nhiệm vụ, công vụ và quản lý, sử dụng kinh phí của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Hà.

Xét Báo cáo số 01/BC-ĐTtra ngày 20/11/2019 của Đoàn Thanh tra, trên cơ sở các quy định của pháp luật và ý kiến giải trình của các tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch UBND huyện kết luận như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Hà tiền thân là Trung tâm Phát triển quỹ đất - Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thạch Hà trực thuộc UBND huyện; Từ năm 2012 được kiện toàn thành Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (Văn phòng ĐKQSD đất) thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Trong thời kỳ thanh tra, Văn phòng ĐKQSD đất có 11 công chức, viên chức và người lao động, gồm: 01 Giám đốc (ông Thân Văn Quý - Hiện nay là Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường), 01 Phó giám đốc (ông Đỗ Đức Cường - Hiện nay được phân công Phụ trách Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hà Tĩnh - Chi nhánh huyện Thạch Hà), 02 viên chức và 07 cán bộ hợp đồng. Văn phòng ĐKQSD đất huyện Thạch Hà chịu sự quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Tài nguyên và Môi trường và sự quản lý trực tiếp của UBND huyện.

II. KẾT QUẢ THANH TRA.

1. Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

1.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong thời kỳ thanh tra.

ĐVT: hồ sơ

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng
1	Giao dịch chuyển nhượng, thừa kế,	1.650	1.134	2.410	5.194

	tặng cho				
2	Cấp đổi giấy chứng nhận	611	897	1.124	2.632
3	Cấp lần đầu	201	148	258	607
4	Xác định lại diện tích đất ở	32	156	230	418
5	Đăng ký biến động, đính chính trên giấy chứng nhận	399	414	291	1.104
6	Giao đất, thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất	272	647	671	1.590
7	Tách, hợp thửa đất	441	225	690	1.356
8	Giao dịch đảm bảo	2.299	2.660	3.775	8.734

1.2. Kết quả thanh tra.

Đoàn thanh tra tiến hành chọn mẫu 556 hồ sơ để tiến hành kiểm tra, trong đó:

- Số hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế: 423/5.194 hồ sơ;
- Số hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất: 83/2.632 hồ sơ;
- Số hồ sơ cấp GCNQSD đất lần đầu: 21/607 hồ sơ;
- Số hồ sơ xác định lại diện tích đất ở: 29/418 hồ sơ;

Kết quả cụ thể như sau:

1.2.1. Thành phần hồ sơ: Qua kiểm tra, có 552/556 hồ sơ đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, chiếm 99,3%; có 04 hồ sơ chưa đủ thành phần hồ sơ hoặc thành phần hồ sơ chưa đúng quy định, chiếm 0,7% (01 hồ sơ sử dụng sai mẫu đơn; 01 hồ sơ không có phiếu trích đo chỉnh lý; 01 hồ sơ phiếu trích đo chỉnh lý không có chữ ký của Giám đốc Văn phòng ĐKQSD đất; 01 hồ sơ chuyển nhượng nhưng người ký nhận chuyển nhượng không phải là người nhận chuyển nhượng nhưng không có giấy ủy quyền).

1.2.2. Kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý và kiểm soát hồ sơ:

Trong số 556 hồ sơ được chọn ngẫu nhiên để kiểm tra, có 546 hồ sơ được tiếp nhận qua Trung tâm Hành chính công hoặc Bộ phận giao dịch một cửa, chiếm 98,2%; 10 hồ sơ (hồ sơ chuyển nhượng, thừa kế) được tiếp nhận không qua Trung tâm Hành chính công hoặc Bộ phận giao dịch một cửa, chiếm 1,8%.

Qua kiểm tra, cơ bản các hồ sơ đều giải quyết đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, việc ghi phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ không phản ánh đúng thực tế quá trình xử lý và giải quyết. Cụ thể: Một số phiếu kiểm soát hồ sơ không

ghi ngày trả hồ sơ; Ngày trả hồ sơ trong phiếu kiểm soát hồ sơ trước ngày ký phiếu chuyển thông tin địa chính hoặc ngày ký GCNQSD đất.

1.2.3. Kiểm tra việc giải quyết hồ sơ:

- Việc cấp GCNQSD đất: Qua kiểm tra 556 hồ sơ, có 07 hồ sơ GCNQSD đất cấp cho các hộ: ông Trần Thanh Bình, Phạm Văn Xuân, Nguyễn Văn Hoan, Trương Tuấn Khánh, Phan Thanh Sương, Nguyễn Công Phú và bà Trần Thị Trí ở Thị trấn Thạch Hà sai quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, Văn phòng ĐKQSD đất tiến hành xây dựng hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất là trái với quy định tại Khoản 3, Điều 106 Luật Đất đai 2013; Khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

- Việc thực hiện trích đo: Kiểm tra mẫu 657 hồ sơ trích đo thực hiện từ tháng 01/2018 - 11/2018 có 03 đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện trích đo, gồm: Văn phòng ĐKQSD đất trực tiếp trích đo 435 trường hợp; Hợp đồng với Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy thực hiện đo đạc 186 trường hợp; ông Nguyễn Hữu Thắng - Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh thực hiện đo đạc 36 trường hợp.

Qua kiểm tra thấy rằng, Văn phòng ĐKQSD đất vẫn thực hiện trích đo 435 trường hợp trong năm 2018 trong khi Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục đo đạc và bản đồ cấp đã hết hạn (thời điểm hết hạn 04/9/2017); Văn phòng ĐKQSD đất không cung cấp được Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy và cá nhân ông Nguyễn Hữu Thắng không đủ điều kiện để thực hiện trích đo theo quy định hiện hành.

1.2.4. Công tác quản lý, sử dụng Sổ cấp GCNQSD đất:

Kết quả kiểm tra sổ cấp GCNQSD đất của 31 xã, thị trấn, cho thấy trong thời kỳ thanh tra, tổng hồ sơ xử lý là 17.547 hồ sơ (bình quân mỗi năm 5.849 hồ sơ), trong đó một số đơn vị có lượng hồ sơ lớn như: Thị trấn Thạch Hà 1.535 hồ sơ, xã Thạch Đài 2.278 hồ sơ, xã Thạch Tân 1.860 hồ sơ, xã Tượng Sơn 1.021 hồ sơ.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

Qua kiểm tra Sổ cấp Giấy CNQSD đất thấy rằng số trống trong sổ còn rất nhiều, nhiều sổ trống nhưng không có trong cơ sở dữ liệu cấp Giấy chứng nhận (Vilis). Nguyên nhân là do quá trình cấp GCNQSD đất gắn với đo đạc bản đồ địa chính chính quy (cấp GCNQSD đất theo dự án), các đơn vị tư vấn đăng ký sổ nhưng không sử dụng hết, bên cạnh đó Sổ cấp GCNQSD đất theo dự án được lập thành sổ riêng, lưu tại xã nên không vào trong Sổ cấp GCNQSD đất cấp huyện. Mặt khác, sau khi kết thúc dự án cấp GCNQSD đất, các đơn vị bàn giao lại khá

nhiều hồ sơ đã in giấy, đã lấy số nhưng không đủ điều kiện để cấp nên phải hủy Giấy chứng nhận, do đó số vào sổ phải bỏ trống.

2. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí.

Sau 6 năm thành lập, Văn phòng ĐKQSD bắt đầu đi vào hoạt động nề nếp và tự chủ phần lớn kinh phí hoạt động. Trong 3 năm, Văn phòng ĐKQSD đã được nhà nước cấp kinh phí 1.376.109.000 đồng chủ yếu sử dụng để chi lương và các khoản trích theo lương cho đội ngũ viên chức và hợp đồng lao động, số còn thiếu lấy từ các khoản thu sự nghiệp của đơn vị. Ngoài ra, Văn phòng ĐKQSD đã được hưởng phần phí, lệ phí để lại 292.044.525 đồng và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị là 2.079.622.300 đồng. Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị tăng đều qua các năm, đặc biệt là khoản thu trích đo, tách thửa. Các khoản thu được nhập quỹ và nộp Kho bạc Nhà nước đầy đủ. *(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)*

2.1. Kiểm tra việc thu tiền trích đo.

2.1.1. Kiểm tra việc thu tiền trích đo:

** Đối với 435 trường hợp do Văn phòng ĐKQSD đất thực hiện:*

- Trung tâm hành chính công thu tiền 376 trường hợp, với số tiền 962.435.000 đồng.

- Văn phòng ĐKQSD đất trực tiếp thu tiền 54 trường hợp, với số tiền 107.290.000 đồng.

- Chưa thu tiền 05 trường hợp (do chưa nhận lại hồ sơ).

** Đối với 186 trường hợp do công ty Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy thực hiện:*

- Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy trực tiếp thu 182 trường hợp, với số tiền 465.276.000 đồng.

- Không thu 03 trường hợp và 01 trường hợp chưa thu tiền (do chưa nhận lại hồ sơ).

** Đối với 36 trường hợp do ông Nguyễn Hữu Thắng thực hiện:*

Theo giải trình của Giám đốc Văn phòng ĐKQSD đất, các trường hợp này hộ dân tự liên hệ ông Nguyễn Hữu Thắng đo và thanh toán, Văn phòng ĐKQSD đất chỉ kiểm tra, chỉnh lý và ký bản trích đo, không thu phí thẩm định.

2.1.2. Kiểm tra thu tiền thẩm định trích đo thửa đất:

Qua kiểm tra việc thu tiền thẩm định trích đo thửa đất chỉ có Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy nộp tiền thẩm định 10% của 188 trường hợp (có 06 trường hợp không nằm trong 657 hồ sơ kiểm tra), với số tiền 48.059.000

đồng. Người nộp tiền thăm định là ông Nguyễn Đức Thơm - Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy.

Riêng đối với 36 trường hợp ông Nguyễn Hữu Thắng trích đo, Văn phòng ĐKQSD đất không thực hiện thu tiền kiểm tra, thăm định bản trích đo địa chính theo quy định.

2.1.3. Kiểm tra việc chuyển tiền từ Trung tâm Hành chính công sang Văn phòng ĐKQSD đất:

Từ tháng 01/2018 - 11/2018, Trung tâm Hành chính công đã chuyển tiền trích đo cho Văn phòng ĐKQSD đất 235 trường hợp, với tổng số tiền 588.966.000 đồng; 201 trường hợp thu tiền thời điểm từ tháng 12/2018 thực hiện chuyển ngoài thời kỳ thanh tra.

2.2. Kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

2.2.1. Kiểm tra sổ sách kế toán:

Hệ thống sổ sách kế toán đầy đủ, đúng quy định.

2.2.2. Kiểm tra chứng từ kế toán:

Việc lập chứng từ phát sinh tương đối đầy đủ, kịp thời; được lưu trữ, sắp xếp khoa học, dễ kiểm tra. Tuy nhiên, qua kiểm tra còn có một số chứng từ chưa đầy đủ, không chặt chẽ như: thiếu một số chứng từ gốc kèm theo (tại Phiếu chi số 08 năm 2016, Phiếu chi số 64 năm 2017 và Chuyển khoản số 36 năm 2018) và một số chứng từ thiếu chữ ký; thiếu giấy thanh toán của người mua hàng; thiếu ngày, tháng, năm lập chứng từ (Chứng từ chuyển khoản số 01, 06, 18 năm 2016; số 11, 31, 40, 41, 42, 45, 46, 47 năm 2018). Ngoài ra còn có 04 chứng từ mua văn phòng phẩm, tiếp khách trị giá trên 5 triệu đồng nhưng không thực hiện thanh toán chuyển khoản mà thanh toán bằng tiền mặt (Phiếu chi số 39, 61, 62, 69 năm 2016).

3. Kết quả khắc phục sai phạm.

Trong quá trình thanh tra, Đoàn Thanh tra đã làm việc với Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy và ông Nguyễn Hữu Thắng. Tại cuộc làm việc Đoàn Thanh tra đã chỉ ra sai phạm của Văn phòng ĐKQSD đất trong việc thu tiền kiểm tra, thăm định bản trích đo địa chính đối với các trường hợp Văn phòng ĐKQSD đất thuê thực hiện đo đạc và các đơn vị đã thống nhất nộp đủ số tiền kiểm tra, thăm định bản trích đo địa chính theo quy định. Đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy, ông Nguyễn Hữu Thắng đã nộp đủ số tiền 95.130.250 đồng vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện tại Kho bạc Nhà nước huyện Thạch Hà. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy đã nộp 72.089.250 đồng tiền kiểm tra, thẩm định bản đồ trích đo địa chính đối với 188 trường hợp còn thiếu theo quy định (Nộp số tiền 15% còn thiếu). *(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)*

- Ông Nguyễn Hữu Thắng đã nộp 23.041.000 đồng tiền kiểm tra, thẩm định bản đồ trích đo địa chính (25% đơn giá trích đo) đối với 36 trường hợp ông Nguyễn Hữu Thắng thực hiện đo đạc. *(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)*

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN.

1. Ưu điểm.

Thời gian qua, Văn phòng ĐKQSD đất đã tập trung thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định và đạt được nhiều kết quả khá tích cực. Tiến hành xây dựng, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất đạt tỷ lệ cao, hồ sơ giải quyết cơ bản đảm bảo thời hạn đúng quy định. Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai hàng năm đảm bảo thời hạn và đúng quy định.

Trong những năm gần đây, Văn phòng ĐKQSD đất đã tự chủ được phần lớn kinh phí, các khoản thu sự nghiệp của đơn vị năm sau cao hơn năm trước. Các chứng từ kế toán được lập tương đối đầy đủ, kịp thời; được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp khoa học.

2. Hạn chế, khuyết điểm.

- Việc tiếp nhận và giải quyết 04 hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hồ sơ hoặc thành phần hồ sơ chưa đúng quy định là trái với quy định tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh và Khoản 7 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trách nhiệm thuộc về Trung tâm Hành chính công và Giám đốc Văn phòng ĐKQSD đất.

- Việc ghi phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ không phản ánh đúng thực tế quá trình xử lý và giải quyết hồ sơ. Trách nhiệm thuộc về Trung tâm Hành chính công huyện và Văn phòng ĐKQSD đất.

- Văn phòng ĐKQSD đất trực tiếp tiếp nhận 10 hồ sơ (hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế) không qua Trung tâm Hành chính công hoặc Bộ phận giao dịch 1 cửa là trái với quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc Văn phòng Đăng ký QSD đất.

- Xây dựng hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất đối với 07 trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013 là trái với quy định tại Khoản 3,

Điều 106 Luật Đất đai 2013; Khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc Văn phòng ĐKQSD đất.

- Văn phòng ĐKQSD đất thực hiện trích đo, tách thửa đối với 435 trường hợp năm 2018 khi Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục đo đạc và bản đồ Việt Nam cấp đã hết hạn là vi phạm Điều 9, Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc bản đồ; Không kiểm tra Giấy phép đo đạc trước khi ký hợp đồng đo đạc với Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy khi công ty chưa có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ là vi phạm Điều 10, Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc bản đồ. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc Văn phòng Đăng ký QSD đất.

- Văn phòng ĐKQSD đất ký hồ sơ trích đo đối với 36 trường hợp cá nhân ông Nguyễn Hữu Thắng thực hiện trích đo là trái với quy định tại Khoản 7, Điều 22 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Quy định giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận sản phẩm. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc Văn phòng ĐKQSD đất và các cá nhân có liên quan.

- Văn phòng ĐKQSD đất trực tiếp thu tiền của 54 trường hợp trích đo là trái với quy định Điều 1, Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND huyện. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán Văn phòng ĐKQSD đất.

- Văn phòng ĐKQSD đất không thực hiện thu tiền kiểm tra, thẩm định bản trích đo địa chính đối với 36 trường hợp cá nhân ông Nguyễn Hữu Thắng thực hiện đo đạc và thu 10% đơn giá kiểm tra, thẩm định bản trích đo địa chính đối với các trường hợp Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy thực hiện đo đạc là trái với quy định mục V đơn giá trích đo thửa đất ban hành kèm theo Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán Văn phòng ĐKQSD đất. Tuy nhiên, trong quá trình thanh tra Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đăng Gia Huy và ông Nguyễn Hữu Thắng đã thực hiện nộp đủ số tiền 25% đơn giá trích đo vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện.

- Quản lý tài chính thiếu chặt chẽ, vẫn còn một số hồ sơ chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ như: thiếu chứng từ gốc kèm theo, thiếu chữ ký, thiếu giấy thanh toán của người mua hàng. Thực hiện thanh toán bằng tiền mặt đối với 04 chứng từ mua văn phòng phẩm, tiếp khách trị giá trên 5 triệu là trái với Khoản 6, Điều 6, Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính. Trách nhiệm thuộc về Giám đốc và Kế toán Văn phòng ĐKQSD đất.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN XỬ LÝ.

1. Các biện pháp xử lý:

1.1. Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

Kiểm soát chặt chẽ việc tiếp nhận hồ sơ giao dịch; điều chỉnh, hoàn thiện Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ phù hợp với thực tế quá trình xử lý, giải quyết hồ sơ.

1.2. Phòng Nội vụ.

Tham mưu kiểm điểm trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm đối với tập thể và các cá nhân có liên quan thuộc thẩm quyền.

2. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Văn phòng Đăng ký đất tỉnh Hà Tĩnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hà Tĩnh - Chi nhánh huyện Thạch Hà khắc phục một số hạn chế, khuyết điểm sau:

- Chấm dứt việc tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thu tiền đo đạc bản đồ không qua Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Phối hợp với Trung tâm Hành chính công huyện thống nhất cách ghi phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ phù hợp với thực tế quá trình xử lý, giải quyết hồ sơ.

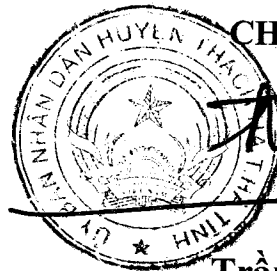
- Xử lý đối với các sổ trống trong Sổ cấp GCNQSD đất; kiểm soát chặt chẽ việc vào Sổ cấp GCNQSD đất trước khi chuyển trả hồ sơ qua Trung tâm Hành chính công.

- Thực hiện việc lựa chọn đơn vị ký hợp đồng đo đạc đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; thu tiền kiểm tra, thẩm định hồ sơ trích đo địa chính theo đúng quy định hiện hành.

- Tổ chức kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm theo thẩm quyền đối với tập thể và các cá nhân có liên quan đến các sai phạm nêu trên thuộc thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng ĐK đất đai tỉnh Hà Tĩnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các đơn vị: Thanh tra, TNMT, TTHCC; TC-KH;
- Văn Phòng ĐKĐĐ tỉnh HT - Chi nhánh Thạch Hà;
- Lưu: VT, HS.



CHỦ TỊCH

Trần Việt Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP HỒ SƠ CẤP GCNQSD ĐẤT TRONG KỲ THANH TRA

STT	Đơn vị	Số vào sổ lớn nhất	Số vào sổ nhỏ nhất	Tổng hồ sơ xử lý	Ghi chú
1	Thị trấn Thạch Hà	5.860	4.325	1.535	
2	Xã Tượng Sơn	3.259	2.238	1.021	
3	Xã Thạch Bàn	682	502	180	
4	Xã Thạch Đỉnh	907	751	156	
5	Xã Thạch Đài	5.087	2.809	2.278	
6	Xã Thạch Điền	3.344	3.067	277	
7	Xã Thạch Hải	419	273	146	
8	Xã Thạch Hội	2.919	2.701	218	
9	Xã Thạch Hương	2.737	2.438	299	
10	Xã Thạch Kênh	2.748	1.920	828	
11	Xã Thạch Khê	1.102	468	634	
12	Xã Thạch Liên	2.486	2.135	351	
13	Xã Thạch Long	2.753	2.058	695	
14	Xã Thạch Lạc	951	664	287	
15	Xã Thạch Lưu	2.323	1.854	469	
16	Xã Thạch Lâm	1.986	1.702	284	
17	Xã Ngọc Sơn	1.698	1.236	462	

TT	NỘI DUNG	NĂM 2016	NĂM 2017	11 THÁNG NĂM 2018	TỔNG CỘNG
7	Chi công tác phí	22.500.000	33.000.000	45.818.000	101.318.000
8	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	31.800.000	340.570.000	238.324.000	610.694.000
9	Sửa chữa TSCD	2.155.000	76.369.000	26.996.000	105.520.000
10	TSCD vô hình (phần mềm)	13.139.000	8.790.000	2.400.000	24.329.000
11	Mua sắm TSCD		48.200.000		48.200.000
12	Nộp thuế TNDN	776.500	6.615.000		7.391.500
13	Nộp thuế GTGT	776.500	6.615.000		7.391.500
14	Nộp Phí đo đạc	8.903.000	1.736.000		10.639.000
15	Chi thu nhập tăng thêm	28.000.000			28.000.000
16	Chi khác	72.672.000	90.244.000	506.675.000	669.591.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 03:
**DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG GIA
HUY NỘP TIỀN KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH BẢN ĐỒ TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH**

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	DT	SỐ TIỀN THU	THẨM ĐỊNH 15%	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hà	Thị Trấn Thạch Hà	338.4	2,503,000	375,450	
2	Trần Quốc Cầu	Thạch Tân	119.6	2,806,000	420,900	
3	Hồ Kim Phương	Thạch Khê	1882.3	2,806,000	420,900	
4	Trương Quang Đức	Thạch Đài	884.1	2,048,000	307,200	
5	Lê Hữu Tam	Nam Hương	2590.8	2,806,000	420,900	
6	Phạm Văn Xuân	Thị Trấn Thạch Hà	1705.3	4,208,000	631,200	
7	Nguyễn Hoàn Minh	Thạch Tân	973.6	2,048,000	307,200	
8	Đậu Văn Bình	Thạch Tân	902.2	2,048,000	307,200	
9	Nguyễn Thị Xuân	Thạch Đài	524.6	2,048,000	307,200	
10	Trần Văn Phú	Thạch Lạc	4637.9	4,328,000	649,200	
11	Nguyễn Hữu Vỹ	Thạch Tân	1159.2	2,806,000	420,900	
12	Trần Hộ	Thạch Liên	769.3	2,048,000	307,200	
13	Dương Chí Thành	Bắc Sơn	101804.7	5,627,000	844,050	
14	Nguyễn Văn Cản	Thạch Tân	3240.9	4,328,000	649,200	
15	Nguyễn Thị Liên	Thạch Tân	1586.1	2,806,000	420,900	
16	Nguyễn Trọng	Tượng Sơn	2441	2,806,000	420,900	
17	Phạm Thị Ân	Thạch Tân	692.6	2,048,000	307,200	
18	Nguyễn Thị Liên	Thạch Đài	807.1	2,048,000	307,200	
19	Nguyễn Văn Nguyên	Thạch Tân	803.2	2,048,000	307,200	
20	Bùi Văn Dân	Thạch Văn	1234.4	2,806,000	420,900	
21	Nguyễn Thị Lục	Phù Việt	690.7	2,048,000	307,200	
22	Bùi Quang Hòa	Phù Việt	621.4	2,048,000	307,200	
23	Bùi Khắc Sứy	Thạch Đài	971.6	2,048,000	307,200	
24	Trần Xuân Ngô	Tượng Sơn	1231.9	2,806,000	420,900	
25	Phan Văn Thi	Thạch Đài	645.8	2,048,000	307,200	
26	Nguyễn Trọng Tý	Thạch Lưu	600.5	2,048,000	307,200	
27	Phạm Văn Xuân	Thị Trấn Thạch Hà	114.8	4,208,000	631,200	
28	Nguyễn Văn Ngôn	Thạch Đài	440.1	1,682,000	252,300	
29	Lê Ngọc Châu	Thạch Tân	1060	2,806,000	420,900	
30	Nguyễn Thị Tam	Thạch Đài	748.2	2,048,000	307,200	
31	Nguyễn Hữu Nam	Thạch Tân	707.2	2,048,000	307,200	
32	Quách Văn Thắng	Thị Trấn Thạch Hà	980.8	3,060,000	459,000	
33	Lê Thị Lục	Thị Trấn Thạch Hà	735.4	3,065,000	459,750	
34	Nguyễn Tất Bình	Thạch Đài	551.2	2,048,000	307,200	
35	Nguyễn Xuân Thịnh	Thạch Khê	923.4	2,048,000	307,200	
36	Phan Thị Xuân	Thạch Sơn	397.1	1,682,000	252,300	
37	Nguyễn Văn Vỹ	Thạch Tân	2561.9	2,806,000	420,900	
38	Nguyễn Thanh Bình	Thạch Lâm	892.8	2,048,000	307,200	
39	Trần Thị Châu	Thạch Tân	1144.7	2,806,000	420,900	
40	Võ Minh Lai	Thạch Tân	704	2,048,000	307,200	
41	Nguyễn Sỹ Tài	Thị Trấn	529.6	3,065,000	459,750	

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	DT	SỐ TIỀN THU	THẨM ĐỊNH 15%	Ghi chú
42	Trương Quang Việt	Thạch Đài	1027.8	2,806,000	420,900	
43	Trần Quốc Trung	Thạch Tân	1650.6	2,806,000	420,900	
44	Nguyễn Thị Phương	Thạch Tân	1513	2,806,000	420,900	
45	Dương Thị Châu	Thạch Đình	799.6	2,048,000	307,200	
46	Lê Anh Võ	Thạch Thắng	250	1,582,000	237,300	
47	Lê Đình Thìn	Thạch Long	1035.6	2,806,000	420,900	
48	Nguyễn Hữu Nga	Thạch Tân	1576.2	2,806,000	420,900	
49	Phạm Thị Thanh	Thị Trấn Thạch Hà	483.3	2,503,000	375,450	
50	Trần Khánh Luân	Thạch Tân	1837.6	2,806,000	420,900	
51	Đoàn Văn Minh	Thạch Đài	1213.5	2,806,000	420,900	
52	Trần Hậu Đàm	Thạch Hội	944	2,048,000	307,200	
53	Nguyễn Hoành Huyền	Thạch Tân	1236.8	2,806,000	420,900	
54	Nguyễn Trọng Hùng	Thạch Thắng	960.9	2,048,000	307,200	
55	Trương Thị Mạnh	Thạch Đài	978.6	2,048,000	307,200	
56	Phan Huy Phúc	Thị Trấn Thạch Hà	388.3	2,503,000	375,450	
57	Nguyễn Thị Điềm	Thạch Lưu	848.2	2,048,000	307,200	
58	Lê Xuân Cảnh	Thạch Sơn	1964.3	2,806,000	420,900	
59	Ngô Thị Bích Hà	Ngọc Sơn	2532.4	2,806,000	420,900	
60	Trần Thị Năm	Thạch Khê	675.4	2,048,000	307,200	
61	Phạm Tất Kiệt	Việt Xuyên	1022	2,806,000	420,900	
62	Đặng Danh Hạnh	Thạch Kênh	1137.7	2,806,000	420,900	
63	Lưu Văn Lương	Thạch Lạc	661	2,048,000	307,200	
64	Nguyễn Việt Dũng	Thạch Điền	76931	5,190,000	778,500	
65	Nguyễn Kim Tuấn	Thạch Hội	891.7	2,048,000	307,200	
66	Bùi Khắc Trọng	Thạch Đài	1387.4	2,806,000	420,900	
67	Nguyễn Văn Hòa	Thạch Văn	1684.7	2,806,000	420,900	
68	Đặng Công Thắng	Thị Trấn Thạch Hà	519	3,065,000	459,750	
69	Trần Thị Lý	Thị Trấn Thạch Hà	367.6	2,503,000	375,450	
70	Trương Công Phước	Nam Hương	1650.9	2,806,000	420,900	
71	Trần Thị Tuyết	Tượng Sơn	1766.5	2,806,000	420,900	
72	Nguyễn Bá Linh	Thạch Lạc	1935.4	2,806,000	420,900	
73	Nguyễn Thị Đào	Thạch Lưu	329	1,680,000	252,000	
74	Đặng Thị Quế	Thạch Kênh	263.4	1,580,000	237,000	
75	Trương Khánh Đàm	Ngọc Sơn	5001.4	4,325,000	648,750	
76	Nguyễn Mạnh Hùng	Ngọc Sơn	1051.7	2,806,000	420,900	
77	Bùi Khắc Phúc	Thạch Đài	954.9	2,048,000	307,200	
78	Nguyễn Thị Huệ	Thị Trấn Thạch Hà	642	2,048,000	307,200	
79	Dương Đức Bình	Thạch Điền	170	1,580,000	237,000	
80	Hoàng Văn Nghĩa	Thạch Điền	200	1,580,000	237,000	
81	Phạm Công Nhung	Thạch Đình	1150	2,806,000	420,900	
82	Trần Thị Loan	Thị Trấn Thạch Hà	327.3	2,503,000	375,450	
83	Nguyễn Hữu Hiếu	Thạch Tân	1252.9	2,806,000	420,900	
84	Nguyễn Hoành Tuyên	Thạch Tân	2463	2,806,000	420,900	
85	Trần Thị Ba	Thạch Tân	1627	2,805,000	420,750	
86	Nguyễn Thị Minh	Thạch Tân	1619.1	2,805,000	420,750	
87	Nguyễn Bá Thông	Thạch Tân	549.6	2,045,000	306,750	
88	Nguyễn Thị Xuân	Thạch Đài	1045.4	2,806,000	420,900	

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	DT	SỐ TIỀN THU	THẨM ĐỊNH 15%	Ghi chú
89	Nguyễn Mậu Lam	Thạch Lưu	852.3	2,048,000	307,200	
90	Chước +Hiệp+ Hoàng	Thạch Tân	568	2,048,000	307,200	
91	Nguyễn Mậu Thanh	Thạch Lưu	867.7	2,048,000	307,200	
92	Hoàng Đình Quý	Thạch Khê	2600.7	2,806,000	420,900	
93	Nguyễn Hữu Vinh	Thạch Lưu	934	2,045,000	306,750	
94	Lê Đăng Hồng	Thạch Tân	1439.2	2,806,000	420,900	
95	Đoàn Văn Bảy	Thạch Đài	905.9	2,048,000	307,200	
96	Trương Quốc Xuân	Thạch Khê	1656.9	2,806,000	420,900	
97	Nguyễn Văn Nga	Thạch Lưu	363	1,680,000	252,000	
98	Hoàng Thị Thuận	Thạch Điền	726.5	2,048,000	307,200	
99	Phạm Văn Tịnh	Thạch Vĩnh	1449.6	2,806,000	420,900	
100	Nguyễn Văn Dung	Thạch Vĩnh	1365	2,806,000	420,900	
101	Nguyễn Khắc Sở	Thạch Lưu	826.3	2,048,000	307,200	
102	Phạm Văn Hồng	Thạch Sơn	815.2	2,048,000	307,200	
103	Trương Quốc Việt	Thạch Lạc	1969.8	2,806,000	420,900	
104	Phạm Việt Dũng	Thạch Khê	2544.3	2,806,000	420,900	
105	Nguyễn Duy Thành	Thạch Tân	1076.6	2,805,000	420,750	
106	Nguyễn Hữu Trát	Thạch Tân	1736.2	2,806,000	420,900	
107	Nguyễn Thị Đức	Thạch Tân	1371.7	2,805,000	420,750	
108	Lê Minh Giám	Thạch Thắng	999.5	2,048,000	307,200	
109	Phạm Văn Huy	Thị Trấn Thạch Hà	440.4	2,503,000	375,450	
110	Trương T Minh Châu	Thạch Đài	609	2,048,000	307,200	
111	Nguyễn Văn Minh	Ngọc Sơn	1563	2,806,000	420,900	
112	Nguyễn Thuận	Thạch Hải	200	1,580,000	237,000	
113	Nguyễn Văn Cường	Thạch Đình	367.8	1,680,000	252,000	
114	Nguyễn Thái Thiên	Thị Trấn Thạch Hà	1710.3	4,203,000	630,450	
115	Nguyễn Tất Minh	Thạch Đài	827.1	2,048,000	307,200	
116	Nguyễn Tất Thông	Thạch Đài	531	2,048,000	307,200	
117	Trần Phương	Thạch Ngọc	1500	2,806,000	420,900	
118	Lê Đình Ngụ	Thạch Đài	737.8	2,048,000	307,200	
119	Bùi Khắc Lương	Thạch Đài	1481	2,806,000	420,900	
120	Trần Quang Vinh	Thạch Tân	1490	2,806,000	420,900	
121	Nguyễn Khắc Châu	Thạch Điền	1564	2,805,000	420,750	
122	Đoàn Quốc Liễu	Thạch Đài	987	2,045,000	306,750	
123	Nguyễn Hải Đăng	Thạch Đài	1011.7	2,806,000	420,900	
124	Nguyễn Văn Lệ	Thạch Tân	922.7	2,048,000	307,200	
125	Lê Danh Kiều	Thạch Thắng	980.3	2,048,000	307,200	
126	Phạm Thị Bình	Thạch Hương		1,680,000	252,000	
127	Nguyễn Hữu Bình	Thạch Tân	1448.3	2,806,000	420,900	
128	Nguyễn Văn Minh	Thị Trấn Thạch Hà	378.5	2,500,000	375,000	
129	Bùi Văn Tôn	Thạch Văn	701.7	2,045,000	306,750	
130	Trần Văn Hùng	Thạch Tân	1342.6	2,800,000	420,000	
131	Dương Đình Phương	Thạch Tân	1503.5	2,800,000	420,000	
132	Nguyễn Đình Hạnh	Thạch Tân	570	2,048,000	307,200	
133	Trần Đình Diễm	Thạch Lạc	13672.2	2,800,000	420,000	
134	Lâm Thị Hồng	Thạch Tân	999.7	2,045,000	306,750	
135	Nguyễn Hữu Khương	Thị Trấn Thạch Hà	644.4	3,065,000	459,750	

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	DT	SỐ TIỀN THU	THẨM ĐỊNH 15%	Ghi chú
136	Nguyễn Công Linh	Thạch Long	950	2,045,000	306,750	
137	Lê Đình Thuận	Thạch Lâm		2,800,000	420,000	
138	Phạm Ngọc Hùng	Ngọc Sơn	2067.4	2,806,000	420,900	
139	Văn Hữu Bình	Thạch Xuân	1735.4	2,800,000	420,000	
140	Hoàng Trung Hạ	Thạch Điền	1944.5	2,800,000	420,000	
141	Lê Hồng Phong	Thạch Vĩnh	527.7	2,048,000	307,200	
142	Nguyễn Văn Vọ	Thạch Lạc	4603.8	4,325,000	648,750	
143	Nguyễn Sỹ Hoàn	Thị Trấn Thạch Hà		4,200,000	630,000	
144	Nguyễn Duy Lĩnh	Thị Trấn Thạch Hà	459.3	2,500,000	375,000	
145	Lê Văn Hường	Thạch Tân	574	2,045,000	306,750	
146	Trần Việt Kiêm	Thạch Tân	942	2,045,000	306,750	
147	Trần Khánh Trung	Thạch Tân	948	2,045,000	306,750	
148	Trần Văn Tâm	Thạch Tân	1486	2,800,000	420,000	
149	Nguyễn Thành Lộc	Thạch Tân	511.2	2,045,000	306,750	
150	Nguyễn Văn Thống	Thạch Đài	658.3	2,048,000	307,200	
151	Trần Hậu Dân	Thạch Ngọc	1106.8	2,800,000	420,000	
152	Dương Thanh Bình	Thạch Lạc	1040.8	2,805,000	420,750	
153	Lê Xuân Lộc	Thạch Xuân	1526.6	2,800,000	420,000	
154	Nguyễn Văn Tâm	Thạch Tân	648	2,045,000	306,750	
155	Trần Danh Thuật	Thạch Ngọc	1179	2,800,000	420,000	
156	Nguyễn Tất Thư	Thạch Đài	1025	2,800,000	420,000	
157	Nguyễn Văn Thân	Thạch Đài	734.3	2,048,000	307,200	
158	Nguyễn Hoành Huyền	Thạch Tân	605.4	2,048,000	307,200	
159	Phan Đăng Minh	Thạch Văn	2461.7	2,806,000	420,900	
160	Trần Quốc Thế	Thị Trấn Thạch Hà	218.4	2,361,000	354,150	
161	Nguyễn Thành Công	Thị Trấn Thạch Hà	1093.1	4,208,000	631,200	
162	Lê Văn Hường	Thạch Tân	936.1	2,048,000	307,200	
163	Bùi Khắc Quang	Thạch Đài	963.3	2,048,000	307,200	
164	Nguyễn Hữu Trát	Thạch Tân	1351.6	2,806,000	420,900	
165	Nguyễn Văn Dung	Thạch Tân	984	2,048,000	307,200	
166	Bùi Khắc Hoạch	Thạch Đài	1676.7	2,805,000	420,750	
167	Lê Thị Hồ	Thạch Tân	1187	2,805,000	420,750	
168	Nguyễn Văn Hòa	Thạch Tân	1872.8	2,805,000	420,750	
169	Trần Thị Hòa	Thạch Tân	1649.8	2,805,000	420,750	
170	Đậu Văn Xuân	Thạch Tân	820.6	2,048,000	307,200	
171	Nguyễn Hữu Tứ	Thạch Tân	1697.2	2,806,000	420,900	
172	Nguyễn Duy Vinh	Thạch Lưu	720.8	2,048,000	307,200	
173	Trương Quang Lai	Thạch Đài	507.3	2,048,000	307,200	
174	Văn Kiên	Thạch Xuân	1293.3	2,806,000	420,900	
175	Nguyễn Văn Thành	Thạch Đài	715.6	2,048,000	307,200	
176	Nguyễn Sỹ Minh	Thị Trấn Thạch Hà	1668	4,208,000	631,200	
177	Dương Đình Thông	Thạch Khê	1113.1	2,806,000	420,900	
178	Khà Thị Khoan	Thạch Khê	766	2,048,000	307,200	
179	Lê Đức Tịnh	Thạch Tân	1105.5	2,805,000	420,750	
180	Nguyễn Quốc Châu	Thị Trấn Thạch Hà	735	3,065,000	459,750	
181	Lê Thị Lục	Thạch Xuân	2253.8	2,806,000	420,900	
182	Lê Văn Hồ	Thạch Xuân	1765.8	2,806,000	420,900	

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	DT	SỐ TIỀN THU	THẨM ĐỊNH 15%	Ghi chú
183	Nguyễn Thị Bảy	Thạch Đài	544.9	2,048,000	307,200	Ngoài TK TT
184	Nguyễn Văn Châu	Thạch Đài	1338.2	2,806,000	420,900	Ngoài TK TT
185	Nguyễn Thị Lan	Thạch Đài	629.8	2,048,000	307,200	Ngoài TK TT
186	Nguyễn Văn Lương	Thạch Tân	2182	2,806,000	420,900	Ngoài TK TT
187	Nguyễn Văn Thắng	Thạch Tân	14389.4	2,806,000	420,900	Ngoài TK TT
188	Trần Quốc Phú	Thạch Tân	1245.8	2,805,000	420,750	Ngoài TK TT
TỔNG TIỀN				480,595,000	72,089,250	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



PHỤ LỤC 04:
DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN ÔNG NGUYỄN HỮU THẮNG THỰC HIỆN ĐO ĐẶC

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích	Số tiền thu	Tiền thẩm định 25%
1	Hoàng Thị Quý	Thạch Khê	1274.7	2,806,000	701,500
2	Bùi Thị Tân	Thạch Khê	1681.4	2,806,000	701,500
3	Trần Thị Nụ	Thạch Khê	1431.9	2,806,000	701,500
4	Nguyễn Bá Thông	Thạch Hải	549.6	2,048,000	512,000
5	Võ Tá Giáp	Thạch Hải	250.0	1,580,000	395,000
6	Trương Quang Linh	Thạch Đài	420.5	1,680,000	420,000
7	Lê Văn Đường	Thạch Bàn	975.5	2,048,000	512,000
8	Hoàng Văn Tam	Thạch Bàn	483.2	1,680,000	420,000
9	Nguyễn Đức Sửu	Phù Việt	720.5	2,048,000	512,000
10	Nguyễn Thị Thảo	Phù Việt	621.4	2,048,000	512,000
11	Nguyễn Văn Quế	Phù Việt	300.3	1,680,000	420,000
12	Trần Quốc Thương	Ngọc Sơn	2048.2	2,806,000	701,500
13	Dương Kim Sơn	Ngọc Sơn	9187.0	4,325,000	1,081,250
14	Nguyễn Văn Cát	Ngọc Sơn	4307.3	4,325,000	1,081,250
15	Trần Văn Long	Tượng Sơn	1766.5	2,806,000	701,500
16	Trịnh Xuân Long	Thạch Xuân	6275.6	4,325,000	1,081,250
17	Nguyễn Duy Tương	Thạch Xuân	2012.2	2,806,000	701,500
18	Nguyễn Văn Công	Thạch Văn	627.0	2,048,000	512,000
19	Nguyễn Đình Tuấn	Thạch Trị	1741.5	2,806,000	701,500
20	Trần Bá Tiến	Thạch Thắng	983.0	2,048,000	512,000
21	Lê Văn Vinh - Huệ	Thạch Tân	300.0	1,580,000	395,000
22	Lê Thị Thìn	Thạch Tân	574.0	2,048,000	512,000
23	Trần Hùng Hải	Thạch Tân	198.5	1,580,000	395,000
24	Lê Văn Cảnh	Thạch Tân	300.0	1,580,000	395,000
25	Nguyễn Văn An	Thạch Sơn	875.8	2,048,000	512,000
26	Nguyễn Thiện Thuận	Thạch Long	2088.8	2,806,000	701,500
27	Nguyễn Bá Quế	Thạch Long	1158.0	2,806,000	701,500
28	Nguyễn Thanh Nghị	Thạch Long	258.0	1,580,000	395,000
29	Phạm Duy Kỳ	Thạch Long	2674.3	2,806,000	701,500
30	Nguyễn Hữu Tửu	Thạch Long	1571.7	2,806,000	701,500
31	Nguyễn Hồng Quang	Thạch Long	1040.4	2,806,000	701,500
32	Nguyễn Sỹ Hưng	TT Thạch Hà	1145.4	4,203,000	1,050,750
33	Nguyễn Hữu Nga	TT Thạch Hà	174.4	2,361,000	590,250
34	Nguyễn Hữu Sơn	TT Thạch Hà	644.3	3,065,000	766,250
35	Nguyễn Thị Minh	TT Thạch Hà	1144.8	4,203,000	1,050,750

36	Nguyễn Văn Hòa	TT Thạch Hà	192.1	2,361,000	590,250
	Tổng			92,164,000	23,041,000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

